

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **287/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/6/2020.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thuỳ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Đỗ Sơn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về "*tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Diễm M**, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện V, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã TM, huyện C, tỉnh An Giang.

Chị M, anh L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Diễm M trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Năm 2015, chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện quen nhau rồi tiến đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 172/2015, quyền số 01/2015 cấp ngày 30/9/2015. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 8/2019, chị và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh L không còn chăm lo cho gia đình, thường đi cờ bạc, đã nhiều lần chị khuyên ngăn nhưng anh L vẫn không sửa đổi, rồi vợ chồng cự cãi, từ đó tình cảm dần nhạt phai, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị quyết định sống ly thân với anh L từ 7 tháng nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung tên Nguyễn Thị Tường A1, sinh ngày 30/5/2017, hiện cháu A1 đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hoà giải, anh Nguyễn Văn L trình bày ý kiến:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị M về điều kiện đăng ký kết hôn, anh thừa nhận khi còn chung sống với chị M ở Bình Dương vợ chồng có chút mâu thuẫn, có cãi vã với nhau nhưng chuyện anh cờ bạc thường xuyên là không có, chỉ có chơi vui một hai lần rồi thôi, chứ anh vẫn đi làm và chăm lo cho gia đình. Anh vẫn còn rất thương vợ, thương con, mong muốn gia đình đoàn tụ, nên anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh thống nhất với chị M là vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Tường A1, sinh ngày 30/5/2017, hiện đang sống cùng với chị M. Nếu. Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh L đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh L đồng ý để chị M nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về trình tự tố tụng của vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và lời trình bày tại phiên tòa của chị M và anh L, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M được ly hôn với anh L. Về con chung: giao cháu A1 cho chị M nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Diễm M khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã TM, huyện C, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*tranh chấp ly hôn, nuôi con*" và Tòa án nhân dân huyện C có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị M, anh L có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị M và anh L tự nguyện kết hôn nhân vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 172/2015, quyển số 01/2015 cấp ngày 30/9/2015 nên xét hôn nhân giữa chị M và anh L là hợp pháp.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh L, Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng giữa chị M và anh L khi còn sống chung đã phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã. Chị M và anh L cũng đã không sống chung cùng nhau một thời gian dài, kể từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không tạo điều kiện, cơ hội hàn gắn với nhau. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh L cũng đồng ý ly hôn. Cho thấy hôn nhân giữa chị M và anh L đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn hạnh phúc và không có khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị M, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cho chị M được ly hôn với anh L.

[2.2] *Về con chung*: Chị M và anh L có một con chung tên Nguyễn Thị Tường A1, sinh ngày 30/5/2017, hiện cháu A1 đang sống với chị M. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu được nuôi con cháu A1, anh L cũng đồng ý để chị M nuôi cháu A1. Hội đồng xét xử xét thấy cháu A1 là con gái, còn nhỏ tuổi và hiện đang sống ổn định với chị M, chị M cũng có việc làm ổn định, đủ điều kiện chăm sóc tốt cho cháu A1 nên Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và sự phát triển của cháu A1 nên giao cháu A1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014,

Chị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị M, anh L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Diễm M:

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Diễm M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 172/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Cà Mau cấp ngày 30/9/2015 cho chị Trần Diễm M và anh Nguyễn Văn L không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Tường A1, sinh ngày 30/5/2017. Hiện cháu A1 đang sống với chị M.

Chị M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A1 đến khi cháu A1 thành niên và có khả năng lao động được. Chị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Diễm M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị M đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0006182 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên chị M không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Diễm M, anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. C;
- Chi cục THA DS H. C;
- Đường sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung